

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024
của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ,
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW*), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện như sau:

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Trong những năm qua, thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tỉnh An Giang đã đạt nhiều kết quả quan trọng. Các cấp ủy, chính quyền, các ngành, các cấp trong tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, đã ban hành các nghị quyết, kế hoạch chuyên đề về phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số gắn với phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh. Hạ tầng số từng bước được đầu tư, các nền tảng số, hệ thống ứng dụng dùng chung đưa vào vận hành hiệu quả, phục vụ tốt công tác quản lý, điều hành, kết nối với hệ thống các sở, ngành và địa phương. Việc ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, nhất là công nghệ giống, tưới tiết kiệm, chế biến, bảo quản, truy xuất nguồn gốc được đẩy mạnh. Đổi mới sáng tạo bước đầu được thúc đẩy. Hợp tác, liên kết nghiên cứu, chuyển giao công nghệ được mở rộng với các viện, trường, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế. Quy mô kinh tế số tỉnh (năm 2024) đạt trung bình 6,11% GRDP của tỉnh¹.

Tuy nhiên, nhận thức của một số cấp ủy, cán bộ, đảng viên về vai trò của khoa học công nghệ và chuyển đổi số chưa đầy đủ. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo tuy có bước phát triển nhưng vẫn chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn, chưa có nhiều đề tài, dự án khoa học và công nghệ quy mô lớn, mang tính đột phá, tác động chuyển biến đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Cơ chế, chính sách khuyến khích nghiên cứu, đổi mới công nghệ, thu hút nhân tài chưa đủ sức cạnh tranh. Nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu, kỹ năng số hạn chế;

¹ Tỉnh An Giang (cũ) và Kiên Giang đạt lần lượt là: 5,99% GRDP; 6,23% GRDP của tỉnh.

nhân lực công nghệ thông tin chuyên sâu còn ít. Hạ tầng số chưa đồng bộ, kết nối dữ liệu giữa các ngành, địa phương chưa thông suốt; vùng sâu, vùng xa hệ thống mạng thiếu ổn định. Hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo chưa gắn chặt với nhu cầu thực tiễn; số lượng doanh nghiệp đổi mới sáng tạo chưa còn ít; an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu còn nhiều thách thức.

Những hạn chế trên có nguyên nhân khách quan, song nguyên nhân chủ quan là do một số cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là người đứng đầu chưa coi trọng đúng mức, thiếu quyết liệt; nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có lúc chưa đầy đủ và sâu sắc; hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo của các cấp, các ngành còn chậm đổi mới, thiếu tập trung; nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, đặc biệt là đầu tư cho khoa học, công nghệ, chuyển đổi số của doanh nghiệp chưa được quan tâm đúng mức; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành từng lúc chưa chặt chẽ; công tác kiểm tra, giám sát đôn đốc thực thi nhiệm vụ chưa thường xuyên.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm chỉ đạo

- Quán triệt đầy đủ các nội dung tại Nghị quyết số 57-NQ/TW để thống nhất tư tưởng, nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, cả hệ thống chính trị và Nhân dân trong tỉnh, từ đó xác định các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Chủ động, tích cực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là yêu cầu tất yếu khách quan; là nhiệm vụ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài; cần sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và toàn xã hội, coi đó là giải pháp đột phá, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị, phát triển kinh tế - xã hội, đưa tỉnh An Giang phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Phát triển khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội; trong đó, tập trung phát triển mạnh vào các ngành, lĩnh vực trọng tâm như: kinh tế biển, công nghệ sinh học, công nghệ chế biến sâu các nông sản chủ lực của tỉnh, được liệu, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và công nghệ sản xuất phần mềm có ứng dụng AI.

- Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nghiệp và Nhân dân trong tỉnh đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xác định đây là cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực; được triển khai quyết liệt, kiên trì, đồng bộ, nhất quán, lâu dài với những giải pháp đột phá, mang tính cách mạng.

- Huy động, khơi thông và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Chú trọng bảo đảm nguồn nhân lực trình độ cao cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; triển khai cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao.

- Bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin của tổ chức và cá nhân là yêu cầu xuyên suốt, không thể tách rời trong quá trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030

- Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức cao hơn so với bình quân chung của cả nước; phấn đấu tiếp cận nhanh các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư để nâng cao trình độ công nghệ các lĩnh vực sản xuất chủ yếu, trong đó trình độ công nghệ của các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm chủ lực đạt mức trung bình khá so với cả nước.

- Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt tối thiểu 55%; xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) nằm trong nhóm 20 cả nước; quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP của tỉnh.

- Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%; giao dịch không dùng tiền mặt đạt 80%; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 20% trong tổng số doanh nghiệp.

- Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt tối thiểu 1,5% GRDP của tỉnh, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm trên 60%; bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tăng dần theo yêu cầu phát triển. Tổ chức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được sắp xếp lại bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - đào tạo. Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt tối thiểu 8 người/vạn dân; số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình trên 10%/năm, tỷ lệ khai thác thương mại đạt trên 8%.

- Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại; chủ động khai thác, phát triển, ứng dụng có hiệu quả một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, nano, thông tin di động 5G, 6G, và một số công nghệ mới; đạt tỷ lệ 100% người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s. Phủ sóng 5G toàn tỉnh.

- Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh tại các phường, đặc khu có đủ điều kiện và đạt tối thiểu 05 đô thị (dự kiến tại Phú Quốc, Hà Tiên, Rạch Giá, Long Xuyên, Châu Đốc).

- Chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn tỉnh, hoàn thành cơ bản các mục tiêu trong Chương trình chuyển đổi số quốc gia. An Giang thuộc nhóm 20 các tỉnh, thành phố dẫn đầu trên cả nước về năng lực cạnh tranh số và chỉ số phát

triển Chính quyền số; hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích, phục vụ tối đa nhu cầu sản xuất, kinh doanh cũng như sinh hoạt cộng đồng của người dân. Xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số. Phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hóa số đạt mức trung bình cao trong các tỉnh. Tỉnh An Giang thuộc nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu về an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu.

b) Tầm nhìn đến năm 2045

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc, góp phần đưa tỉnh An Giang trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của Quốc gia; là tỉnh phát triển, có thu nhập cao so với bình quân chung của cả nước; nông nghiệp xanh, y tế, giáo dục nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước về mặt chất lượng, ứng dụng tiện ích số và thương hiệu mạnh. Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GRDP; thuộc nhóm dẫn đầu của cả nước về xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII). Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số tương đương các tỉnh, thành phố trong vùng.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên cần nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xác định rõ trách nhiệm, chủ động triển khai thực hiện. Người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền các cấp phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện. Nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được xác định cụ thể trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; lấy việc triển khai thực hiện Kế hoạch này là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp hằng năm. Bố trí phù hợp số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học - kỹ thuật trong cấp ủy các cấp. Phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, học tập, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về sự cần thiết và tính cấp thiết của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Triển khai sâu rộng phong trào “học tập số”, phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số trong cán bộ, công chức và Nhân dân; các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp tham gia tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực hưởng ứng thực hiện công cuộc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại địa phương.

- Biểu dương, khen thưởng kịp thời các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù là nhỏ nhất. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy đảng, các cấp, các ngành trong chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Tập trung hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tiếp tục thể chế hóa đầy đủ, kịp thời và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia. Tập trung triển khai tốt các nội dung sau:

- Kịp thời sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định, cơ chế, chính sách của địa phương về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đổi mới phương thức quản lý, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với từng loại hình nghiên cứu; cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đơn giản hóa tối đa các thủ tục hành chính; giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, thu hút các doanh nghiệp số đầu tư vào tỉnh.

- Có cách tiếp cận mở, vận dụng sáng tạo, có cơ chế, chính sách thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra nhằm hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại địa phương. Chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo. Thực hiện cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới có sự giám sát của chính quyền; thực hiện chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan.

- Phát triển các tổ chức nghiên cứu, trường đại học trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo. Triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, cán

bộ, tài chính, chuyên môn; được sử dụng ngân sách nhà nước thuê chuyên gia, sử dụng tài sản hữu hình và trí tuệ để liên kết, hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước theo quy định hiện hành. Thực hiện cơ chế cho phép và khuyến khích các tổ chức nghiên cứu, nhà khoa học thành lập và tham gia điều hành doanh nghiệp dựa trên kết quả nghiên cứu.

- Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Cơ cấu lại nguồn ngân sách chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và chuyển đổi số bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm. Khuyến khích mua sắm công đối với các sản phẩm, hàng hóa là kết quả nghiên cứu khoa học do doanh nghiệp trong nước tạo ra. Triển khai cơ chế đặc biệt trong nghiên cứu, tiếp cận, mua các bí mật công nghệ, sao chép các công nghệ tiên tiến của nước ngoài.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; tham gia thực hiện Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược (ưu tiên các lĩnh vực quốc phòng, năng lượng, môi trường, công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo, vật liệu tiên tiến, bán dẫn, công nghệ lượng tử, robot và tự động hóa...). Nghiên cứu xây dựng các chương trình, đề án trọng điểm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn với những lĩnh vực kinh tế có thế mạnh, tiềm năng của tỉnh như: kinh tế biển, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, năng lượng tái tạo, công nghệ chế biến, bảo quản, du lịch thông minh và các lĩnh vực khác như công nghệ sinh học, dược liệu, khám, chữa bệnh, tự động hóa trong sản xuất, quản lý tài nguyên và môi trường, chuyển đổi số trong quản lý hành chính công và doanh nghiệp... Thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học phục vụ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ chiến lược; thực hiện cơ chế, chính sách hợp tác công tư để nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược.

- Thực hiện các chiến lược nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong khai thác, phát triển không gian biển, không gian ngầm, không gian vũ trụ. Chú trọng phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là năng lượng mới, năng lượng sạch và bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển khoa học, công nghệ, các ngành công nghiệp chiến lược. Quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của tỉnh.

- Phát triển các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm của tỉnh; thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ. Tăng cường đầu tư nâng cao năng lực cho các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn

tỉnh; ưu tiên hiện đại hóa các phòng thử nghiệm, thí nghiệm trong lĩnh vực: công nghệ sinh học, dược liệu, kiểm nghiệm chất lượng các sản phẩm nông sản, giám sát và phòng, chống dịch bệnh,...

- Đẩy nhanh việc triển khai và đưa vào hoạt động Khu Công nghệ thông tin tập trung hoặc hình thành phát triển Khu đô thị công nghệ số tại các phường, đặc khu, đô thị có đủ điều kiện. Ưu tiên nguồn lực xây dựng, phát triển các đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ số. Thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số; chính sách đặc biệt để đào tạo, phát triển, thu hút tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước hoạt động lĩnh vực chuyển đổi số, phát triển sản phẩm công nghệ số, công nghiệp an ninh mạng. Triển khai dùng chung các nền tảng số quốc gia, vùng. Xây dựng, triển khai các nền tảng số của tỉnh bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số và không trùng lặp với các nền tảng số quốc gia, vùng. Thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực.

- Thực hiện các chính sách hợp tác công tư để phát triển hạ tầng số hiện đại, trong đó nguồn lực nhà nước là chủ yếu. Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao phủ sóng toàn tỉnh, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo. Phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số; tích hợp cảm biến, ứng dụng IoT, công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu.

- Tham gia đầu tư, xây dựng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây. Hình thành hạ tầng lưu trữ, tính toán đạt tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn xanh. Sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả Trung tâm dữ liệu tỉnh. Xây dựng, phát huy hiệu quả các cơ sở dữ liệu bảo đảm liên thông, tích hợp, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, bộ, ngành, các địa phương. Bảo đảm dữ liệu thành nguồn tài nguyên tư liệu sản xuất quan trọng. Xác lập quyền sở hữu, kinh doanh dữ liệu và phân phối giá trị tạo ra từ dữ liệu. Phát triển kinh tế dữ liệu, thị trường dữ liệu và các sản phẩm dịch vụ dữ liệu. Phát triển mạnh mẽ ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Triển khai các chính sách về tín dụng, học bổng và học phí của Trung ương, nghiên cứu ban hành chính sách đặc thù của địa phương để thu hút học sinh, sinh viên giỏi theo học các lĩnh vực toán học, vật lý, sinh học, hoá học, kỹ thuật và công nghệ then chốt, nhất là ở các trình độ sau đại học; thu hút chuyên gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, ưu tiên các lĩnh vực công nghệ cốt lõi, chiến lược (bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, dữ liệu lớn, robot, tự động hóa, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và công nghệ

số...). Tăng cường kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước. Xây dựng và triển khai các chính sách phát hiện và bồi dưỡng tài năng từ sớm; quy hoạch và đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống trường chuyên, trường năng khiếu về khoa học tự nhiên kết hợp với doanh nghiệp, viện nghiên cứu trong và ngoài nước để mở rộng cơ hội thực hành, ứng dụng;

- Tổ chức các chương trình đào tạo về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho khu vực công, doanh nghiệp và người dân; ưu tiên chương trình đào tạo ứng dụng, chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo. Triển khai chính sách đặc thù về hợp tác công tư trong đào tạo nhân lực công nghệ số. Triển khai nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến, mô hình giáo dục đại học số, nâng cao năng lực số trong xã hội.

- Triển khai thực hiện chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ, trọng dụng, giữ chân các nhà khoa học, chuyên gia trong và ngoài nước có khả năng tổ chức, điều hành, triển khai các nhiệm vụ trọng điểm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo và đào tạo nguồn nhân lực.

- Phát triển đội ngũ giảng viên, các nhà khoa học đủ năng lực, trình độ đáp ứng việc giảng dạy lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ chip bán dẫn, vi mạch, kỹ thuật và công nghệ then chốt; đẩy mạnh hợp tác với các đại học uy tín của nước ngoài; đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế, hiện đại hóa phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo.

- Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch các tổ chức khoa học công nghệ công lập và đổi mới nội dung hoạt động đi vào thực chất và hiệu quả.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

- Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.

- Có kế hoạch và lộ trình đưa toàn bộ hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị lên môi trường số, bảo đảm liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước. Xây dựng nền tảng số dùng chung của tỉnh, liên thông, đồng bộ với các nền tảng số quốc gia, phát triển hệ thống giám sát, điều hành thông minh nhằm tăng cường quản lý công. Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hóa và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ người dân. Thực hiện chính sách đặc thù để thu hút, tuyển dụng, giữ chân nhân lực về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số làm việc trong các cơ quan của hệ thống chính trị.

- Phát triển các nền tảng số an toàn và tăng cường ứng dụng công nghệ số, hình thành công dân số. Xây dựng xã hội số an toàn, lành mạnh. Phát triển văn hóa số bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc, xây dựng bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng, giảm thiểu tác động tiêu cực của công nghệ số đối với xã hội. Triển khai các hệ thống và nền tảng số nhằm giám sát, thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường của tỉnh. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng và chủ quyền quốc gia trên nền tảng số và không gian mạng; an ninh, an toàn dữ liệu hợp pháp của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và chủ quyền an ninh dữ liệu quốc gia. Từng bước ứng dụng công nghệ số trong chỉ huy, điều hành tác chiến của lực lượng vũ trang cũng như làm chủ công nghệ cao trong hoạt động quốc phòng, an ninh. Phối hợp ngăn chặn hiệu quả tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, chống lừa đảo trực tuyến. Xây dựng, phát huy sức mạnh thể trận chiến tranh nhân dân, thể trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

- Thực hiện các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

- Xây dựng và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tỉnh An Giang; thực hiện các chính sách đủ mạnh khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cùng với chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp khởi nghiệp tại An Giang. Khuyến khích các hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

- Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số; chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế trong nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, phát triển, sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ số. Phát triển một số khu công nghiệp công nghệ số hoặc hình thành phát triển khu đô thị công nghệ số. Thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư hạ tầng, đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D).

- Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bảo đảm kinh tế số các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 70% kinh tế số; đẩy mạnh sản xuất thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, logistic ven biển...

- Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh; ưu tiên các lĩnh vực chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học... nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ có thể mạnh, góp phần tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh và bền vững.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tập trung đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn, năng lượng nguyên tử và các công nghệ chiến lược khác. Tích cực trao đổi thông tin, kinh nghiệm và thu hút nguồn lực trong và ngoài nước về nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, truy xuất nguồn gốc...

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kiện toàn, nâng cao chất lượng Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban; lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động này.

2. Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, tổ chức đảng, chính quyền tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến; căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Tỉnh ủy, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ chính trị và tình hình thực tiễn của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; định kỳ kiểm tra, giám sát và sơ kết, tổng kết việc thực hiện, kịp thời điều chỉnh các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, đơn vị.

3. Đảng ủy Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh nghiên cứu rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách liên quan về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đảm bảo kịp thời, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với các quy định pháp luật và điều kiện thực tế của tỉnh; tăng cường giám sát việc thực hiện.

4. Đảng ủy Các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc của Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ tích cực tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Tỉnh ủy đến đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân; theo dõi, giám sát, phản biện việc thực hiện.

5. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc cập nhật kế hoạch và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình hành động của Tỉnh ủy; chỉ đạo các ngành, địa phương triển khai thực hiện gắn với kế hoạch phát triển

kinh tế - xã hội hằng năm; theo dõi, kịp thời phát hiện những bất cập và điều chỉnh kế hoạch, đề ra giải pháp thực hiện phù hợp với tình hình thực tiễn, đảm bảo thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động này; ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để thực hiện; chỉ đạo phát động phong trào thi đua, biểu dương, khen thưởng kịp thời trong quá trình tổ chức thực hiện. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện, tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy hằng năm có hình thức cụ thể hóa trong các Nghị quyết, kế hoạch phù hợp và định kỳ sơ kết, tổng kết để rút kinh nghiệm chỉ đạo.

6. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp tổ chức học tập, quán triệt, thực hiện Chương trình hành động; định hướng các cơ quan thông tin, báo chí, truyền thông tổ chức tuyên truyền sâu rộng các nội dung của Chương trình hành động đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia tiến trình chuyển đổi số của tỉnh; kịp thời phản ánh, đề nghị biểu dương, khen thưởng những địa phương, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân làm tốt, các mô hình tiêu biểu để nhân rộng.

7. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Văn phòng Tỉnh ủy) theo quy định.

8. Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; định kỳ 6 tháng/lần báo cáo kết quả với Ban Chỉ đạo tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh ủy để theo dõi, chỉ đạo.

Chương trình hành động này được phổ biến đến chi bộ và tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng; thay thế các chương trình, kế hoạch có liên quan đã ban hành trước đây. *Nguyễn Văn Hải*

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị (để b/c),
- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c),
- Các ban đảng Trung ương (để b/c),
- Đ/c Lê Khánh Toàn, Phó Chánh VPTW Đảng; các đ/c: Nguyễn Văn Hiệp, Nguyễn Văn Ngon, Nguyễn An Minh, Hoàng Trường Giang, Nguyễn Việt Hùng, Ngô Văn Út Nhỏ, Phạm Quý Trọng, Y Trung Niê K Dăm,
- Các đ/c Tỉnh ủy viên (để t/h),
- MTTQ và các tổ chức CT - XH tỉnh (để t/h),
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Đảng ủy Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh (để t/h),
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (để t/h),
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Nguyễn Tiến Hải
Nguyễn Tiến Hải